

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý III năm 2020 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Nghệ An

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 76/2009/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của UBND tỉnh về việc thành lập Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Nghệ An; Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Nghệ An v/v sửa đổi khoản 1 Điều 3 Quyết định số 76/2009/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của UBND tỉnh về việc thành lập Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Nghệ An;*

*Căn cứ Đối chiếu KBNN Quý III năm 2020;*

*Theo đề nghị của Kế toán trưởng,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý III năm 2020 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Nghệ An (Có biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng HC-TH, Kế toán trưởng và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### *Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Sở Y tế (để b/c);
- Lãnh đạo Chi cục;
- [attpnghean.gov.vn](http://attpnghean.gov.vn);
- Bảng tin đơn vị;
- Lưu :VT, HCTH.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Phạm Ngọc Quy**

# ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH

## QUÝ III NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ATTP ngày tháng năm  
của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Nghệ An)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện Quý 3	Thực hiện 9 tháng đầu năm
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>			
1	Số thu phí, lệ phí	125	25,6	61,9
2	Số phí nộp NSNN	25	2,6	12,4
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại	100	10,4	49,5
<b>II</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>	<b>8.011</b>	<b>782</b>	<b>2.239</b>
<b>1</b>	<b>KP quản lý hành chính</b>	<b>3.963</b>	<b>528</b>	<b>1.786</b>
1.1	Kinh phí tự chủ 2019 chuyển 2020			
1.2	Kinh phí tự chủ 2020	2.236	508	1.538
1.3	KP không tự chủ 2019 chuyển 2020			
1.4	KP không tự chủ 2020	1.697	20	248
<b>2</b>	<b>KP hoạt động sự nghiệp</b>	<b>1.350</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2.1	Kinh phí tự chủ 2019 chuyển 2020			
2.2	Kinh phí tự chủ 2020			
2.3	KP không tự chủ 2019 chuyển 2020			
2.4	KP không tự chủ 2020			
2,5	KP đề án nâng cao NL ATVSTP	1.350	0	0
2,6	KP đối ứng các Dự án			
<b>3</b>	<b>Kinh phí Đầu tư XDCB</b>			
<b>4</b>	<b>KP Chương trình mục tiêu 2019 chuyển 2020</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>
4.4	An toàn thực phẩm	2	0	2
4.8	Theo dõi, giám sát, truyền thông			
<b>5</b>	<b>KP Chương trình mục tiêu 2020 Địa phương</b>	<b>900</b>	<b>246</b>	<b>443</b>
5.4	An toàn thực phẩm	900	246	443
5.8	Theo dõi, giám sát, truyền thông			
<b>6</b>	<b>KP Chương trình mục tiêu 2020 Trung ương</b>	<b>1.796</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
6.4	An toàn thực phẩm	1.401		
6.8	Theo dõi, giám sát, truyền thông	395	8	8